

Số: 04/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 03 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 888/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phạm Thị Phương K; sinh năm 1982

- Ông Lê Trung T, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số X đường Lê Văn L, Tổ Y, Khu phố Z phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Trung T và bà Phạm Thị Phương K được xác lập vào năm 2004, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự hiện đang cư trú tại Quận 7 và có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là việc thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Sau khi sống chung giữa ông Lê Trung T và bà Phạm Thị Phương K có phát sinh mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân

không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa ông Lê Trung T và bà Phạm Thị Phương K đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Lê Trung T và bà Phạm Thị Phương K là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Trong quá trình chung sống các đương sự xác nhận hai con chung họ và tên Lê Ngọc Quỳnh A (nữ), sinh ngày 23/7/2008 và Lê Phạm Minh K (nam), sinh ngày 01/6/2014.

Sau khi thuận tình ly hôn các đương sự thống nhất thỏa thuận giao con chung họ và tên Lê Ngọc Quỳnh A (nữ), sinh ngày 23/7/2008 và Lê Phạm Minh K (nam), sinh ngày 01/6/2014 cho ông Lê Trung T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà Phạm Thị Phương K không cấp dưỡng nuôi các con chung.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trung T và bà Phạm Thị Phương K thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận hôn nhân số 50, quyển số 01/2004 do UBND phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2004).

- Về con chung: Các đương sự xác nhận có hai con chung họ và tên Lê Ngọc Quỳnh A (nữ), sinh ngày 23/7/2008 và Lê Phạm Minh K (nam), sinh ngày 01/6/2014.

Sau khi thuận tình ly hôn các đương sự thống nhất thỏa thuận giao con chung họ và tên Lê Ngọc Quỳnh A (nữ), sinh ngày 23/7/2008 và Lê Phạm Minh K (nam), sinh ngày 01/6/2014 cho ông Lê Trung T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà Phạm Thị Phương K không cấp dưỡng nuôi các con chung.

-Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

-Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032022 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND phường Tân Phong, Quận 7, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Loan).

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Hiếu